

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG VIỄN THÔNG CẦN THƠ
CANTHO TELECOMMUNICATION CONSTRUCTION & INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
--- CTC ---

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG VIỄN THÔNG CẦN THƠ
(Đã được sửa đổi bổ sung-Năm 2009)

(Ban hành theo Quyết định số : 0X..... / QĐ-HĐQT ngày 2 tháng 10 năm 2009
của Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng Viễn thông Cần Thơ)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ-XÂY DỰNG VIỄN THÔNG CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 0X / QĐ-HĐQT

Cần Thơ, ngày 02 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

(V/v ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động đã được sửa đổi bổ sung của Công ty)

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG VIỄN THÔNG CẦN THƠ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ vào quyết định số 06/2004 QĐ- BBCVT ngày 02/02/2004 của Bộ Bưu chính - Viễn thông về việc chuyển Công ty Xây lắp Bưu điện Cần Thơ thành Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Viễn thông Cần Thơ;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Viễn thông Cần Thơ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/08/2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Viễn thông Cần Thơ;
- Theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Viễn thông Cần Thơ;

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “*Điều lệ tổ chức và hoạt động*” (đã được sửa đổi bổ sung lần 1) của Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Viễn thông Cần Thơ.

Điều 2. Bản Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
Bản Điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các cổ đông của Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tất cả các đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 06/10
CHỦ TỊCH



Nơi gửi:

- Tập đoàn BC-VT VN (b/c)
- HĐQT, BKS (b/c)
- Cty (vh)
- TCHC lưu

Nguyễn Trọng Quảng

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
(ĐIỀU CHỈNH LẦN 1)
(SAU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN – NGÀY 19 / 08 /2009)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Năm 2005

Căn cứ Quyết định số 06/2004/QĐ-BBCVT ngày 02 tháng 02 năm 2004 của Bộ Bưu Chính Viễn Thông về việc chuyển công ty Xây Lắp Bưu Điện Tỉnh Cần Thơ thành công ty Cổ phần Đầu Tư-Xây Dựng Viễn Thông Cần Thơ.

Chúng tôi những cổ đông và đại diện cổ đông của công ty Cổ phần Đầu tư-Xây dựng Viễn thông Cần Thơ đã tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư-Xây dựng Viễn thông Cần Thơ vào ngày 19 tháng 08 năm 2009, nhất trí thông qua và cùng nhau cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ (đã được sửa đổi, bổ sung lần 1) này.

Bản Điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của công ty.

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Những định nghĩa

- 1.1- Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
- 1.1.2- "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;
- 1.1.3- "Vốn điều lệ" có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông góp và quy định tại Điều 12 Điều lệ này;
- 1.1.4- "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm làm cán bộ quản lý của công ty.
- 1.1.5- "Những người có liên quan" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau:
- * Doanh nghiệp mẹ và doanh nghiệp con;
 - * Doanh nghiệp và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - * Doanh nghiệp và người quản lý doanh nghiệp;
 - * Nhóm người thoả thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty;
 - * Vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của người quản lý doanh nghiệp, thành viên công ty, cổ đông có cổ phần chi phối.
- 1.1.6- "Cổ đông" có nghĩa là mọi thể nhân, pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần;
- 1.1.7- "Thời hạn" có nghĩa là thời hạn ban đầu của công ty như được quy định tại Điều 7 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 1.2- Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào, tới bất kỳ một điều khoản hoặc một văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
- 1.3- Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ.
- 1.4- Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ này (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa như trong quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 2: Tên công ty và hình thức:

- 2.1- Tên công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ-XÂY DỰNG VIỄN THÔNG CẦN THƠ

Tên giao dịch đối ngoại:

**CANTHO TELECOMMUNICATION CONSTRUCTION AND INVESTMENT
JOINT-STOCK COMPANY**

Tên giao dịch đối ngoại viết tắt:

- 2.2- Biểu tượng (Logo):
- 2.3- Trụ sở giao dịch : Số 102 - Đường Cách Mạng tháng 8 - Phường Cái Khế - Quận Ninh Kiều-Thành phố Cần Thơ.
- 2.4- Điện thoại : 0710 3 823 222 -0710 3 811 211- 07103 767 222
Fax : 0710 3 823 323
- 2.5- Địa chỉ Email :
- 2.6- Website :
- 2.7- Hình thức: công ty cổ phần Đầu tư-Xây dựng Viễn thông Cần Thơ (sau đây gọi tắt là công ty) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức công ty Cổ phần, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp do Quốc Hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 2.8- Người đại diện công ty trước Pháp luật là Tổng giám đốc.

Điều 3: Trụ sở

Công ty có Trụ sở chính đặt tại: Số 102 - Đường Cách Mạng tháng 8 - Phường Cái Khế - Quận Ninh Kiều-Thành phố Cần Thơ.
Có Văn phòng đại diện đặt tại các địa phương trong lãnh thổ Việt Nam và ở nước ngoài khi có nhu cầu.

Điều 4: Địa bàn hoạt động của công ty

Địa bàn hoạt động: Trên lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

Điều 5: Tư cách pháp nhân

Công ty cổ phần Đầu Tư-Xây Dựng Viễn Thông Cần Thơ:

- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng thương mại trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật.
- Có điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.
- Có trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ và hoạt động của công ty.
- Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.
- Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của Pháp luật và nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

Điều 6: Mục tiêu và lĩnh vực đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

- 6.1- Mục tiêu:

- 6.1.1 -** Không ngừng phát triển các lĩnh vực đầu tư, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của công ty nhằm tối đa hóa các nguồn lợi nhuận có thể có được của công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông và lợi ích của công ty.
- 6.1.2-** Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong công ty;
- 6.2-** Các lĩnh vực hoạt động của công ty:
- 6.2.1-** Lĩnh vực Đầu tư :
- * Đầu tư cơ sở hạ tầng chuyên ngành Bưu Chính, Viễn Thông, trong lĩnh vực công nghiệp và dân dụng;
 - * Đầu tư tài chính;
 - * Đầu tư phát triển công nghệ, công nghệ thông tin, dịch vụ và thương mại;
 - * Đầu tư kinh doanh cao ốc, động sản và bất động sản;
 - * Đầu tư vào lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng mạng lưới điện, các công trình cấp thoát nước và các công trình giao thông.
 - * Đầu tư kinh doanh khai thác khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên
- 6.2.2-** Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:
- * Thi công xây dựng, lắp đặt các công trình chuyên ngành Bưu chính, Viễn thông, Tin học, Phát thanh- Truyền hình, các công trình Điện, Điện lạnh, các công trình cấp thoát nước, các công trình giao thông, các công trình công nghiệp và dân dụng.
 - * Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị chuyên ngành Bưu chính, Viễn thông, Tin học, Phát thanh- Truyền hình, các công trình Điện, Điện lạnh, các công trình cấp thoát nước, các công trình giao thông, các công trình công nghiệp và dân dụng.
 - * Tư vấn, khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật thi công, giám sát thi công, các công trình chuyên ngành Bưu chính, Viễn thông, Tin học, Phát thanh- Truyền hình, các công trình Điện, Điện lạnh, các công trình cấp thoát nước, các công trình giao thông, các công trình công nghiệp và dân dụng.
 - * Kinh doanh thương mại, dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu.
 - * Sản xuất vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng và các vật liệu, phụ kiện khác phục vụ cho kinh doanh thương mại và dịch vụ.
 - * Kinh doanh các dịch vụ in ấn DataPost, in offset.
 - * Kinh doanh các ngành nghề khác Pháp luật không cấm.
 - * Khoan thăm dò địa chất và khoan lắp đặt hệ thống đường ống ngầm kỹ thuật ngành Bưu điện, điện lực, cung cấp nước và ống dẫn khí ga, dầu khí.
 - * Kinh doanh cung cấp dịch vụ cơ sở hạ tầng Bưu chính-Viễn thông, điện lực, cấp nước công nghiệp và dân dụng.

Điều 7: Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của công ty cổ phần Đầu tư-Xây dựng Viễn thông Cần Thơ là vô hạn kể từ ngày hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh. Việc chấm dứt hoạt động

trước thời hạn của công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của Điều lệ này và được tiến hành theo đúng quy định của Pháp luật

Điều 8: Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của công ty

- 8.1- Công ty Cổ phần Đầu tư-Xây dựng Viễn thông Cần Thơ luôn có ít nhất 03 cổ đông trở lên. Hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng Pháp luật. Các cổ đông tham gia góp vốn đều là đồng sở hữu của công ty. Cổ đông có thể là pháp nhân hay thể nhân. Cổ đông chịu trách nhiệm về nợ và các khoản nghĩa vụ tài chính khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty
- 8.2- Cơ quan quyết định cao nhất của công ty là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).
- 8.3- Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị (HDQT) để quản trị công ty giữa hai kỳ Đại hội, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành công ty.
- 8.4- Quản lý điều hành hoạt động của công ty là Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm.
- 8.5- Giúp việc cho Tổng giám đốc là các phó Tổng giám đốc, kế toán Trưởng và các Phòng, Ban trong công ty.
- 8.6- Các đơn vị thành viên của công ty bao gồm các chi nhánh, văn phòng đại diện và công ty trực thuộc.

Điều 9: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác

Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Tổ chức Công đoàn trong công ty hoạt động theo Hiến Pháp và Pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của Công đoàn Việt nam.

Các tổ chức chính trị-xã hội khác trong công ty hoạt động theo Hiến Pháp và Pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình.

CHƯƠNG II

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10: Quyền của công ty:

- 10.1- Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của công ty để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược kinh doanh của công ty.
- 10.2- Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- 10.3 – Tự chủ đăng ký và thực hiện kinh doanh các ngành nghề mà Pháp luật không cấm, hay kinh doanh có điều kiện; mở rộng quy mô theo khả năng của công ty và nhu cầu thị trường.
- 10.4 – Công ty có quyền chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể công ty; thành lập mới, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc.
- 10.5- Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, kể cả liên doanh, liên kết, góp vốn vào các doanh nghiệp khác, mua bán cổ phần, đầu tư tài chính, chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh theo đúng quy định của Pháp luật và phù hợp với mục đích phát triển của công ty.
- 10.6- Được mở tài khoản ở nước ngoài, được đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định của Pháp luật.
- 10.7- Chủ động tìm kiếm thị trường, chọn lựa khách hàng, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng kinh tế với khách hàng trong và ngoài nước; được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của công ty.
- 10.8- Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- 10.9- Tuyển, thuê, sử dụng và đào tạo lao động theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả chuyên gia nước ngoài khi cần thiết theo đúng quy định của Pháp luật. Lựa chọn các hình thức trả lương, phân phối thu nhập, quyết định mức lương cho người lao động trên cơ sở cống hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật lao động và các quy định khác của Pháp luật.
- 10.10- Quyết định giá mua, giá bán các loại vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu, trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quy định về giá.
- 10.11- Sử dụng vốn và các quỹ của công ty để phục vụ cho các nhu cầu sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lãi.
- 10.12- Tự do lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn từ các nguồn trong và ngoài nước. Được phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Pháp luật.
- 10.13- Được thanh lý, chuyển nhượng, thay thế, thuê, cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản và quyền sử dụng đất theo quy định của Pháp luật và nguyên tắc bảo toàn vốn.
- 10.14- Được quyền quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; lập quỹ và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- 10.15- Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được Pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

- 10.16-** Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ của hàng hoá theo quy định của Pháp luật Việt Nam.
- 10.17-** Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng đến hoặc chưa dùng hết công suất.
- 10.18-** Được hưởng các quyền khác *của pháp nhân* theo quy định của Pháp luật.

Điều 11: Nghĩa vụ của công ty:

- 11.1-** Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đăng ký. Chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh. Chịu trách nhiệm trước khách hàng và Pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do công ty thực hiện.
- 11.2-** Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của công ty và nhu cầu thị trường.
- 11.3-** Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác.
- 11.4-** Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động. Đảm bảo quyền lợi, lợi ích của người lao động theo quy định của Pháp luật về Lao động. Đảm bảo cho người lao động tham gia quản lý công ty bằng thoả ước lao động tập thể và các quy chế khác.
- 11.5-** Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh Quốc gia, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh và công tác phòng chống cháy nổ.
- 11.6-** Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo.
- 11.7-** Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.
- 11.8-** Thực hiện đúng chế độ và các quy định về hạch toán, kế toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do Pháp luật quy định, chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của công ty.
- 11.9-** Bảo toàn và phát triển vốn của công ty.
- 11.10-** Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của công ty.
- 11.11-** Công ty có nghĩa vụ công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- 11.12-** Công ty thực hiện các nghĩa vụ đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, các khoản nộp ngân sách Nhà nước và các nghĩa vụ tài chính khác theo yêu cầu của Pháp luật.
- 11.13-** Thực hiện đầy đủ các cam kết và chịu trách nhiệm vật chất đối với các khách hàng trong phạm vi vốn Điều lệ của công ty.

- 11.4-** Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh. Khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo, thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đối với cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 11.15-** Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG III

VỐN-CỔ PHẦN-CỔ PHIẾU-CỔ ĐỒNG

MỤC 1

VỐN

Điều 12: Các loại vốn của công ty

Vốn hoạt động của công ty gồm có: Vốn Điều lệ, vốn huy động, vốn tích lũy và các loại vốn khác.

Điều 13: Vốn điều lệ

13.1- Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm thành lập được xác định là:
5.000.000.000 VND (Năm tỷ đồng Việt Nam)

13.2- Cơ cấu vốn phân chia theo sở hữu:

- Vốn Nhà nước (VNPT) : 1.500.000.000 đồng

Chiếm 30% vốn điều lệ.

- Vốn của CB-CNV trong công ty : 1.250.000.000 đồng

Chiếm 25 % vốn điều lệ.

- Vốn của các cổ đông khác : 2.250.000.000 đồng

Chiếm 45 % vốn điều lệ.

13.3- Việc tăng, giảm vốn Điều lệ tùy theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông, phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Công ty có thể tăng vốn do tái đầu tư cơ cấu vốn từ các nguồn tiền lời hay quỹ không chia hoặc gọi thêm vốn từ các cổ đông thông qua việc phát hành cổ phiếu mới.

- Khi phát hành thêm cổ phiếu mới sẽ ưu tiên bán cho cổ đông của công ty theo tỷ lệ cổ phần hiện hữu trước khi bán ra ngoài, trừ khi có quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông .

- Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp vốn của công ty dư thừa hoặc khi công ty thu hẹp phạm vi hoạt động.

- 13.4-** Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh như:
- Mua sắm tài sản cố định, máy móc, trang thiết bị cần thiết để phục vụ cho hoạt động của công ty
 - Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ
 - Thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Mua cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác, góp vốn, liên doanh
 - Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản; kinh doanh theo nội dung hoạt động của công ty.
- 13.5-** Không sử dụng vốn điều lệ để chia lợi tức cổ phần cho cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội cổ đông quyết định khác, không trái Pháp luật).
- 13.6-** Công ty có thể phát hành các loại cổ phiếu ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của Pháp luật.
- 13.7-** Khi có sự thay đổi vốn điều lệ (tăng hoặc giảm vốn điều lệ), điều khoản này sẽ thay đổi tương ứng.

Điều 14: Các vốn khác

14.1- Vốn huy động:

Các hình thức huy động vốn của công ty bao gồm:

- Phát hành các chứng chỉ có giá sau khi đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Công ty có trách nhiệm hoàn trả đúng hạn cả vốn và lãi.
- Các hình thức huy động vốn khác được Pháp luật cho phép

14.2- Vốn vay:

Công ty được vay vốn Ngân hàng và các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước để phục vụ kinh doanh theo quy định của Pháp luật.

14.3- Vốn tích lũy:

Vốn tích lũy của công ty được hình thành từ kết quả sản xuất kinh doanh, được sử dụng để mở rộng và phát triển công ty, góp vốn liên doanh với các cá nhân, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

14.4- Vốn tiếp nhận và các loại vốn khác:

Công ty được tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các thể nhân, pháp nhân trong và ngoài nước và các loại vốn khác theo đúng Pháp luật hiện hành để bổ sung vốn cho công ty.

MỤC 2 CỔ PHẦN-CỔ PHIẾU

Điều 15: Cổ phần, cổ phiếu

15.1- Vốn Điều lệ của công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau, mỗi phần được gọi là một cổ phần.

15.2- Vốn Điều lệ của công ty tại thời điểm thành lập được chia làm 50.000 cổ phần, mỗi cổ phần trị giá 100.000 đồng Việt Nam (VND); các cổ phần có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

15.3- Cổ phần có thể được góp bằng hiện vật, vàng, ngoại tệ, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, công nghệ cần thiết cho hoạt động của công ty và phải được Hội đồng quản trị của công ty đánh giá lại theo đúng quy định của Pháp luật, được quy thành tiền Việt Nam (VND) để xác định số lượng cổ phần ngay tại thời điểm góp vốn.

15.4- Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty.

15.5- Số tiền ghi trên cổ phiếu là mệnh giá cổ phiếu, cổ phiếu của công ty có một hoặc nhiều mệnh giá, mệnh giá tối thiểu của một cổ phiếu bằng giá trị của một cổ phần.

Điều 16: Hình thức cổ phần

Tất cả các cổ phần được phát hành lần đầu của công ty đều là cổ phần phổ thông.

Điều 17: Hình thức cổ phiếu

17.1- Cổ phiếu của công ty được in và phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; là chứng chỉ xác nhận quyền sở hữu số cổ phần của cổ đông.

17.2- Nội dung của cổ phiếu :

- Tên công ty, địa chỉ trụ sở chính của công ty.
- Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Số lượng cổ phần và loại cổ phần.
- Mệnh giá một cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.
- Tên và địa chỉ cổ đông (đối với cổ phiếu ghi danh)
- Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.
- Chữ ký mẫu của người đại diện theo Pháp luật và dấu của công ty.
- Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

17.3- Công ty cổ phần Đầu tư-Xây dựng Viễn thông Cần Thơ phát hành 2 loại cổ phiếu:

17.3.1- Cổ phiếu ghi danh:

- Là cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị, cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước và cổ phiếu mua theo giá ưu đãi của Cán bộ công nhân viên.
- Mỗi cổ phiếu ghi danh phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ của pháp nhân hay thể nhân sở hữu, được đóng dấu của công ty, ghi rõ số cổ phiếu, loại cổ phiếu và số tiền đóng góp.
- Việc chuyển nhượng cổ phiếu này phải tuân theo các quy định tại Điều 20 của bản Điều lệ này và các quy định khác của Pháp luật.
- Thành viên Hội đồng Quản trị sau hai năm miễn nhiệm, cổ phiếu của họ đương nhiên chuyển thành cổ phiếu vô danh.

17.3.2 -Cổ phiếu vô danh:

- Là cổ phiếu phát hành cho các cổ đông không phải là các đối tượng quy định tại khoản 3.1 của Điều 17 nêu trên.
- Cổ phiếu phát hành thêm khi công ty cần tăng thêm vốn điều lệ. Cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo quy định của Nhà nước và phải được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.
- Cổ phiếu vô danh được chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ này.
- Trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty có thể bán cổ phần mà không có cổ phiếu (hình thức bút toán ghi sổ). Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 18.2 Điều 18 của bản Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.
- Người sở hữu cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản cổ phiếu và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng vào mục đích lừa đảo.

17.4- Nếu cổ phiếu mờ, rách, hư hỏng hay bị mất có thể xin đổi cổ phiếu mới nếu trình đủ chứng cứ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải chịu mọi phí tổn. Trong trường hợp thích hợp, cổ phiếu của công ty sẽ được chuyển thành Sổ cổ đông. Việc chuyển đổi này sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và sẽ được thông báo đến tất cả các cổ đông.

Điều 18: Sổ đăng ký cổ đông

18.1- Hình thức và nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông : Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty, dưới dạng văn bản và tập dữ liệu điện tử.

18.2- Sổ đăng ký cổ đông có những nội dung chủ yếu sau:

- Tên, trụ sở của công ty.
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp
- Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

Điều 19: Chào bán cổ phần

19.1- Giá chào bán: Giá chào bán cổ phần lần đầu khi thành lập công ty cho các cổ đông theo mệnh giá. Các trường hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc

Điều 21: Thừa kế cổ phần

- 21.1-** Trường hợp cổ đông qua đời, công ty công nhận người (những người) sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất :
- Người thừa kế hợp pháp theo luật định.
 - Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục có uỷ quyền có công chứng. Công ty chỉ thừa nhận người đại diện sở hữu này và không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo Pháp luật.
- 21.2-** Sau khi trình đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, công ty sẽ tiến hành các thủ tục theo quy định để người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp được sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế thừa.

Điều 22: Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty :

- 22.1-** Công ty có quyền mua lại không quá 30% số cổ phần đã bán.
- 22.2-** Việc mua lại hơn 10% số cổ phần phổ thông đã bán do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các trường hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định.
- 22.3-** Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 23.4 Điều này.
- 22.4-** Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này quyết định mua lại cổ phần của công ty sẽ được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ tại công ty.
- Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông.
- Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 23: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông :

- 23.1-** Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này thì cổ đông có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên,

địa chỉ, của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại yêu cầu mua lại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định về các vấn đề nói tại khoản này.

- 23.2-** Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 23.1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 24: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

- 24.1-** Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 của bản Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- 24.2-** Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 của bản Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán của công ty.
- 24.3-** Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc hoặc Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với công ty.
- 24.4-** Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

MỤC 3 CỔ ĐÔNG

Điều 25: Quy định chung về cổ đông:

- 25.1-** Cổ đông của công ty là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của công ty nhưng không được vượt quá mức quy định của Pháp luật. Số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa. Cổ đông là người chủ sở hữu công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần họ sở hữu.
- 25.2-** Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại công ty.
- 25.3-** Người đại diện theo Pháp luật của cổ đông tại công ty:
- 25.3.1-** Người đại diện theo Pháp luật của cổ đông là pháp nhân:

- Đối với doanh nghiệp nhà nước không có Hội đồng quản trị, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là Tổng giám đốc hoặc Giám đốc.
- Đối với doanh nghiệp nhà nước có Hội đồng quản trị, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp liên doanh là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Trưởng ban quản trị.
- Đối với các pháp nhân khác, người đại diện cổ đông tại công ty là người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó.

25.3.2- Người đại diện nêu tại các điểm trên đây có thể uỷ nhiệm cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó trực tiếp quản lý phần vốn tại công ty. Những người được uỷ quyền trực tiếp quản lý vốn của pháp nhân tại công ty không được uỷ quyền cho người khác.

25.3.3- Cổ đông là cá nhân có thể uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực Pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại công ty.

25.3.4- Việc uỷ quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện hoặc người trực tiếp quản lý vốn phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của công ty.

25.3.5- Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.

25.3.6- Trong trường hợp một cổ đông là pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo Pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác.

Điều 26: Quyền lợi của cổ đông :

- 26.1-** Tham dự, phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- 26.2-** Được chia cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tương ứng với phần vốn góp, dựa trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối mỗi năm tài chính
- 26.3-** Được mua, bán, chuyển nhượng và kế thừa cổ phần theo Điều lệ công ty và phù hợp với Pháp luật.
- 26.4-** Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty, tỷ lệ trên không được vận dụng đối với việc mua trái phiếu của công ty (nếu có)
- 26.5-** Được chia tài sản còn lại (nếu có) khi công ty giải thể, hoặc phá sản theo tỷ lệ tương ứng với số vốn góp, sau khi công ty đã thanh toán cho các chủ nợ.

- 26.6- Được cung cấp thông tin định kỳ hay đột xuất về tình hình hoạt động của công ty; được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi cổ đông (trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm: thủ thuật Marketing, cách lựa chọn đối tác, phương pháp tác nghiệp kinh doanh...).
- 26.7- Được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- 26.8- Được uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông.
- 26.9- Được quyền yêu cầu cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông của công ty. Có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, điều chỉnh các thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông của công ty.
- 26.10- Cổ đông là đại diện pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu hoặc đại diện sở hữu hoặc một số cổ đông nhóm lại để có được số cổ phiếu từ 10% vốn điều lệ trở lên liên tục ít nhất trong thời gian 6 tháng có quyền :
- 26.10.1-Đề cử người để bầu vào Hội đồng quản trị và ban Kiểm soát: Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ từ 10 đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì có quyền ứng cử hoặc đề cử một người để bầu vào Hội đồng quản trị và một người để bầu vào Ban kiểm soát; nếu chiếm giữ từ 30 đến 45% thì có quyền ứng cử hoặc đề cử 2 người để bầu vào Hội đồng quản trị và một người để bầu vào Ban kiểm soát.
- 26.10.2-Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi:
- Có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính.
 - Có dấu hiệu thất bại trong hoạt động kinh doanh.
 - Có dấu hiệu về tham nhũng, hoặc cố ý gây thiệt hại cho công ty của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- 26.10.3-Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27: Trách nhiệm và nghĩa vụ cổ đông:

- 27.1- Góp đủ vốn cổ phần đã đăng ký mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp.
- 27.2- Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Công ty giải thể.
- 27.3- Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.
- 27.4- Chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
- 27.5- Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của công ty.
- 27.6- Thực hiện các nghĩa vụ khác được quy định trong bản Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 28: Đại hội đồng cổ đông

- 28.1-** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, gồm: Đại hội đồng cổ đông thành lập, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội cổ đông bất thường.
- 29.2-** Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp một lần.

Điều 29: Đại hội đồng cổ đông thành lập

- 29.1-** Đại hội đồng cổ đông thành lập do Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp Bưu điện Tỉnh Cần Thơ triệu tập
- 29.2-** Đại hội đồng cổ đông thành lập có nhiệm vụ sau:
- Thảo luận và thông qua Điều lệ hoạt động của công ty
 - Bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.
 - Thông qua phương án sản xuất kinh doanh.
 - Quyết định bộ máy tổ chức quản lý của công ty.
 - Quyết định mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 30: Đại hội đồng cổ đông thường niên

- 30.1-** Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp 1 lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 30.2-** Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên:
- 30.2.1-** Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh, thông qua báo cáo của Ban kiểm soát.
- 30.2.2-** Thông qua báo cáo quyết toán năm tài chính; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ, theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
- 30.2.3-** Quyết định phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của năm tài chính mới.
- 30.2.4-** Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ, gọi vốn cổ phần phát hành mới, quyết định tổng số cổ phần được quyền chào bán
- 30.2.5-** Quyết định mua lại hơn 10% số cổ phần phổ thông đã bán.
- 30.2.6-** Quyết định mức cổ tức hàng năm của cổ phần phổ thông
- 30.2.7-** Quyết định về tổng mức thù lao được nhận của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, ấn định mức thù lao và các quyền lợi của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho năm tài chính mới.

- 30.2.8- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- 30.2.9- Bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ.
- 30.2.10- Xem xét và xử lý các sai phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông của công ty.
- 30.2.11- Quyết định việc tổ chức lại, giải thể công ty, các chi nhánh, văn phòng đại diện, các đơn vị trực thuộc của công ty.
- 30.2.12- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty (nếu cần).
- 30.2.13- Biểu quyết tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán
- 30.2.14- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Điều 31: Đại hội đồng cổ đông bất thường

- 31.1- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
 - Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Pháp luật.
 - Trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo yêu cầu của một hoặc một nhóm người sau đây:
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - + Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị
 - + Trưởng ban Kiểm soát
 - + Cửa cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của công ty
 - + Giám đốc hoặc Tổng giám đốc
- 31.2- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh một trong các sự kiện nêu tại khoản 31.1 của điều này.
- 31.3- Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.
- 31.4- Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật.
- Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

31.5- Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 31.4 của Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông như đã quy định tại khoản 26.10 - Điều 26 của Điều lệ này, có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật . Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

31.6- Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- Ra Nghị quyết để xử lý các vấn đề bất thường.
- Bãi miễn và bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên vi phạm Điều lệ gây thiệt hại cho công ty.
- Biểu quyết sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32: Điều kiện để tiến hành Đại hội đồng cổ đông:

- 32.1-** Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chỉ hợp lệ khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 32.2-** Trường hợp triệu tập lần thứ nhất không đủ số cổ đông tham dự như quy định tại khoản 1 điều này thì Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ khi dự định khai mạc Đại hội lần thứ nhất. Trong trường hợp này, Đại hội đồng cổ đông có đủ điều kiện tiến hành họp khi có số cổ đông đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 32.3-** Trường hợp triệu tập lần thứ hai không đủ số cổ đông tham dự như quy định tại Khoản 2 Điều này thì Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội lần thứ hai. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ 3 luôn được coi là đủ điều kiện để tiến hành họp không phụ thuộc vào số cổ đông tham dự.
- 32.4-** Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 33: Thể thức triệu tập và tiến hành các Đại hội đồng cổ đông

- 33.1-** Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách này được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 33.2-** Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh của cổ đông là pháp nhân; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

- 33.3-** Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được gửi bằng thư hoặc Fax theo phương thức bảo đảm đến được cho các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc và có thể được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Nếu công ty có trang thông tin điện tử thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
- 33.4-** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đại diện 10% vốn điều lệ trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông có thể tự nhóm họp lại để cử đại diện tham dự Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 33.4.1-** Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 33.4.2 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 33.4.2-** Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 33.4.1 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.
- 33.5-** Những cổ đông không đến dự Đại hội đồng cổ đông được phép uỷ quyền cho đại diện thay thế.
- 33.6-** Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội đồng cổ đông, lập danh sách hiện diện (ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện).
- 33.7-** Đại hội đồng cổ đông thành lập do đại diện vốn Nhà nước làm chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể uỷ quyền cho một uỷ viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- 33.8-** Đại hội bầu ra Chủ tịch đoàn, thư ký đại hội và ban kiểm phiếu (nếu cần).

- 33.9-** Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- 33.10-** Chủ toạ và Thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
- 33.11-** Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách ghi nhận số phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó ghi nhận số phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- 33.12-** Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;
- 33.13-** Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- 33.14-** Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
 - b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
- 33.15-** Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 33.14 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- 33.16-** Tất cả chi phí cần thiết, hợp lý để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông sẽ do công ty thanh toán, các chi phí này sẽ không bao gồm các khoản chi phí mà cổ đông phải chi để tham dự Đại hội đồng cổ đông như: chi phí đi lại, lưu trú và các khoản chi liên quan khác.

Điều 34: Việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

- 34.1- Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho đại diện thay thế mình để tham dự Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông nhưng không được đề cử, ứng cử tại Đại hội cổ đông với tư cách cá nhân.
- 34.2- Người đại diện không nhất thiết là cổ đông của công ty.
- 34.3- Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản, người được ủy quyền phải trình cho Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông trước khi khai mạc Đại hội mới được thực hiện các quyền hạn được ủy quyền.
- 34.4- Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu.
- 34.5- Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
- 34.6- Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền của mình bằng cách lập văn bản gửi Hội đồng quản trị trước ngày Đại hội đồng cổ đông được tiến hành.

Điều 35: Biên bản Đại hội đồng cổ đông

- 35.1- Nội dung các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và những vấn đề do Đại hội đồng cổ đông quyết định được ghi vào Sổ biên bản. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc 02 thành viên Hội đồng quản trị hoặc Trưởng ban kiểm soát mới có giá trị.
- 35.2- Biên bản của Đại hội đồng cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - 1- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - 2- Tên chủ tọa và thư ký.
 - 3- Tóm tắt các phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông.
 - 4- Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua.
 - 5- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự, tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.
 - 6- Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- 35.3- Biên bản phải làm xong và phải thông qua trước khi bế mạc Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 36: Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản

36.1- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có các điều kiện sau đây:

a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; biểu quyết Đại hội đồng cổ đông phải công khai, trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

36.2- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có giá trị khi được số cổ đông đại diện cho hơn 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

36.3- Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (thư tín hoặc Fax), thì Nghị quyết được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Trong trường hợp này, để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải tiến hành các công việc sau:

36.3.1- Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.

36.3.2- Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty.

b) Mục đích lấy ý kiến.

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là pháp nhân; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo Pháp luật của công ty;

- 36.3.3-** Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông là pháp nhân.
- 36.3.4-** Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
- 36.3.5-** Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
 - e) Các quyết định đã được thông qua.
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo Pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 36.3.6-** Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- 36.3.7-** Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
- 36.4-** Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông kể cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.
- 36.5-** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau :
- Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của công ty.
 - Nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm quy định của Pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty.

MỤC 2

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 37: Tổ chức Hội đồng quản trị

- 37.1-** Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh công ty để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 37.2-** Hội đồng quản trị có tối đa 5 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm. Thành viên của Hội đồng quản trị được trúng cử với đa số cổ phiếu bầu bằng thẻ thức trực tiếp và bỏ phiếu kín.
- 37.3-** Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn với đa số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp, bỏ phiếu kín, hoặc biểu quyết để cử ra chức vụ Chủ tịch hội đồng quản trị.
- 37.4-** Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch và một uỷ viên Hội đồng quản trị có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày của công ty.

Điều 38: Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

- 38.1-** Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.
- 38.2-** Quyết định giải pháp thị trường, tiếp thị và các công nghệ.
- 38.3-** Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- 38.4-** Quyết định phương án đầu tư của công ty thông qua phương án đầu tư do Tổng giám đốc đệ trình.
- 38.5-** Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
- 38.6-** Quyết định việc phát hành trái phiếu của công ty: loại trái phiếu, tổng giá trị phát hành, thời điểm phát hành.
- 38.7-** Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần phổ thông đã bán, quyết định giá mua lại cổ phần.
- 38.8-** Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu của công ty, định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, công nghệ và các tài sản khác.
- 38.9-** Phê chuẩn việc vay nợ và thực hiện mọi khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh và bồi thường của công ty.
- 38.10-** Thông qua các hợp đồng kinh tế, dân sự và các hợp đồng khác như quy định tại Điều 50.2 của bản Điều lệ này.
- 38.11-** Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành của công ty, các quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập, giải thể các đơn vị trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện, quyết định góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác.

- 38.12- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán Trưởng của công ty, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện công ty, Giám đốc công ty trực thuộc theo đề nghị của Tổng giám đốc.
- 38.13- Quyết định cử một Phó Tổng giám đốc tạm thời đảm nhiệm chức danh Tổng giám đốc trong trường hợp Tổng giám đốc bị mất khả năng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hoặc bị Hội đồng quản trị tạm đình chỉ chức vụ do vi phạm nghiêm trọng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
- 38.14- Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc công ty.
- 38.15- Xem xét và quyết định hình thức xử lý sai phạm của Tổng giám đốc trong trường hợp gây thiệt hại cho công ty và quyết định các biện pháp cần thiết khác để khắc phục.
- 38.16- Quyết định mức lương, thưởng và hình thức xử lý kỷ luật đối với những sai phạm của các cán bộ thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị trong công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc.
- 38.17- Lập chương trình đại Hội đồng cổ đông; duyệt nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
- 38.18- Trình Đại hội đồng cổ đông:
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.
 - Phương án tổ chức lại, giải thể, sáp nhập công ty.
 - Xem xét và quyết định hình thức xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty và các cổ đông.
 - Thông qua Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm.
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định bán số tài sản bằng hoặc lớn hơn 50% tổng số tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - Quyết định mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh
 - Thực hiện việc khởi kiện của Công ty đối với các cán bộ quản lý Công ty cũng như quyết định việc đại diện Công ty trong quá trình tố tụng đối với các cán bộ quản lý này.
- 38.19- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, sáp nhập công ty.
- 38.20- Thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền, và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 38.21- Chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát công việc điều hành của Tổng giám đốc và các chức danh do Hội đồng quản trị trực tiếp quản lý.
- 38.22- Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ công ty.

- 38.23- Quyết định về việc khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc cán bộ thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị và quyết định mức bồi thường vật chất khi họ gây thiệt hại cho công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và các quy chế nội bộ khác.
- 38.24- Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái Pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị.
- 38.25- Chịu trách nhiệm về những vi phạm Pháp luật, Điều lệ, những sai phạm trong quản trị gây thiệt hại cho công ty.
- 38.26- Xem xét và ủy quyền cho Tổng giám đốc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của công ty.
- 38.27- Xem xét quyết định việc chuyển nhượng các cổ phiếu ghi danh.
- 38.28- Hội đồng quản trị không được trực tiếp hoặc gián tiếp:
- Cho bất cứ một cổ đông nào vay tiền thuộc vốn của công ty.
 - Bảo lãnh trên danh nghĩa công ty hay cung cấp tài sản của công ty cho việc thế chấp cho cổ đông vay tiền.
 - Bảo lãnh trên danh nghĩa công ty cho một công ty khác vay tiền.
 - Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của công ty cũng như của khách hàng cho bất kỳ ai.

Điều 39: Điều kiện ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

- 39.1- Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau:
- Đại diện quyền sở hữu cổ phần của các cổ đông pháp nhân chiếm từ 15% vốn điều lệ trở lên.
 - Đại diện quyền sở hữu cổ phần của cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông chiếm từ 10% vốn điều lệ trở lên trong thời hạn ít nhất là 6 tháng.
 - Thành viên HĐQT của công ty không được là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc của 02 (hai) tổ chức sản xuất kinh doanh khác.
 - Phải có trình độ Đại học, có chuyên môn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. Am hiểu về lĩnh vực Bưu chính-Viễn thông và có hiểu biết về Pháp luật.
 - Có sức khỏe, có đạo đức, phẩm chất tốt, trung thực liêm khiết.
- 39.2- Những người sau đây: Vợ chồng, con, anh chị em ruột bên vợ, bên chồng của thành viên Hội đồng quản trị không được đảm nhiệm hoặc ủy quyền cho người khác đảm nhiệm các chức danh sau: Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty.
- 39.3- Thành viên Hội đồng quản trị nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của công ty.

Điều 40: Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên

- 40.1- Chủ tịch do Hội đồng quản trị bầu theo thể thức quy định tại Khoản 37.3 Điều 37 bản Điều lệ này.

- 40.2- Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc công ty.
- 40.3- Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:
- Lập kế hoạch làm việc cho Hội đồng quản trị.
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu cho các phiên họp của Hội đồng quản trị; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
 - Tổ chức để Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết bằng các hình thức.
 - Theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua.
 - Chủ trì các Đại hội đồng cổ đông.
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị có thêm một phiếu bầu quyết định trong trường hợp số phiếu chống và số phiếu thuận bằng nhau.
- 40.4- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì có thể ủy quyền cho một ủy viên Hội đồng quản trị thay mặt đảm trách việc quản trị công ty. Trong trường hợp không ủy quyền được thì các thành viên khác của Hội đồng quản trị sẽ bầu một trong số các thành viên để tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 40.5- Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phạm vi, thời hạn quy định tại giấy ủy quyền, và không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
- 40.6- Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không được ủy quyền cho người khác.
- Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau:
- Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương án phát triển, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ.
 - Tham dự phiên họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình.
 - Thực hiện Điều lệ của công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị.
 - Được quyền yêu cầu các cán bộ, chức danh trong công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - Thành viên Hội đồng quản trị là người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại công ty cổ phần, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Nghị định số 73/2000/NĐ-CP ngày 06/12/2000 của Chính Phủ ban hành Quy chế quản lý phần vốn Nhà nước ở Doanh nghiệp khác.
 - Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 41: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

- 41.1-** Các thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao cho công việc của họ. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị sẽ do tập thể Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tổng số thù lao cho Hội đồng quản trị và số tiền của mỗi thành viên nhận được phải ghi chi tiết trong báo cáo thường niên.
- 41.2-** Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí về đi lại, ăn ở và các chi phí hợp lệ khác mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm của mình, theo một kế hoạch công tác đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận, kể cả những chi phí phát sinh khi tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông
- 41.3-** Mọi chi phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của công ty.

Điều 42: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

- 42.1-** Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là **5 năm**. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.
- 42.2-** Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo trong Hội đồng quản trị có ít nhất 1/3 số thành viên cũ.
- 42.3-** Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 43: Hoạt động của Hội đồng quản trị

- 43.1-** Hội đồng quản trị họp thường kỳ ít nhất là 2 quý một lần, trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp cũng không được quá 9 tháng để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Phiên họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa.
- 43.2-** Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của:
- Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị.
 - Trưởng ban kiểm soát.
 - Tổng giám đốc.
- 43.3-** Cuộc họp Hội đồng quản trị hợp lệ khi có từ 2/3 tổng số thành viên trở lên tham dự, trong số đó có Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 43.4-** Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết bằng biểu quyết tại cuộc họp; lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- 43.4.1-** Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp:

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo đa số thành viên dự họp đồng ý. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị là quyết định cuối cùng.

43.4.2- Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng hỏi ý kiến: Thể thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị bằng hỏi ý kiến được thực hiện theo quy định tại Khoản 36.3.2 - Điều 36 của Điều lệ này.

43.5- Mọi quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị tại phiên họp hoặc kết quả lấy ý kiến bằng văn bản đều phải ghi vào biên bản. Biên bản hội nghị phải được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký, kết quả phiếu biểu quyết phải được thông báo đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 44: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

44.1 - Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- Chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- Có đơn xin từ chức.
- Không đảm bảo số cổ phần tối thiểu do Điều lệ công ty quy định.
- Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 12 tháng trở lên mà không được phép của Hội đồng quản trị.
- Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.
- Mất tư cách đại diện quản lý vốn của cổ đông pháp nhân.
- Công ty bị giải thể trước thời hạn theo các quy định của Tòa án.
- Không còn đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

44.2 - Ngoài các trường hợp trên, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

44.3- Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, hay thành viên Hội đồng quản trị của công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét và quyết định.

44.4- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì trong vòng 10 ngày, Hội đồng quản trị phải họp bất thường để bầu người thay thế.

44.5- Trường hợp khuyết 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm thì phải thông báo triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung. Trong các trường hợp khác cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

MỤC 3

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 45: Tổng giám đốc

- 45.1- Tổng giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của công ty.
- 45.2- Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, không nhất thiết là cổ đông và có thể là thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 5 năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 45.3- Tổng giám đốc là người quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Tổng giám đốc thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định trong Điều lệ này. Trong trường hợp Tổng giám đốc là người do Hội đồng quản trị thuê ngoài công ty thì Tổng giám đốc còn phải thực hiện những điều cam kết trong Hợp đồng đã ký giữa Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị công ty.
- 45.4- Giúp việc Tổng giám đốc có các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc.

Điều 46: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc

Tổng giám đốc công ty phải là người có đủ các điều kiện sau:

- 46.1- Có trình độ Đại học trở lên thuộc các ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh hay kỹ thuật có liên quan. Có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý công ty, hiểu biết Pháp luật.
- 46.2- Không được đồng thời giữ bất cứ một chức vụ quản trị, kiểm soát, điều hành nào tại công ty khác, trừ trường hợp đó là Công ty trực thuộc và chỉ giữ chức danh quản trị, kiểm soát tại Công ty trực thuộc đó.
- 46.3- Có đủ sức khỏe, đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

Điều 47: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc:

- 47.1- Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ; Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ; Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- 47.2- Xây dựng, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn cơ cấu, tổ chức bộ máy giúp việc và quyết định về việc ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- 47.3- Bảo toàn và phát triển vốn, tổ chức thực hiện phương án sản xuất kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- 47.4- Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch dài hạn và hàng năm.
- 47.5- Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, giá dịch vụ do công ty cung cấp (trừ những dịch vụ do Nhà nước quy định).

- 47.6- Ký kết các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, hợp đồng dân sự trừ trường hợp các Hợp đồng nêu tại Điều 50 của bản Điều lệ này phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký.
- 47.7- Trình Hội đồng quản trị việc bán tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.
- 47.8- Quyết định các biện pháp tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi khách hàng, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất.
- 47.9- Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- 47.10- Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- 47.11- Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của công ty.
- 47.12- Có quyền từ chối thực hiện những Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái Pháp luật, trái Điều lệ và trái Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát
- 47.13- Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố.. và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.
- 47.14- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông và trước Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho công ty.
- 47.15- Quyết định tuyển dụng, thuê mướn, bố trí sử dụng lao động.
- 47.16- Quyết định lựa chọn công ty Kiểm toán cho năm tài chính mới.
- 47.17- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 48: Ủy quyền, ủy nhiệm

- 48.1- Tổng giám đốc có thể ủy quyền cho Phó tổng giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của công ty và chịu trách nhiệm *pháp lý* trước ủy quyền, ủy nhiệm của mình.
- 48.2- Người được Tổng giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và trước Pháp luật về những công việc của mình làm.
- 48.3- Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm đều phải thể hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền và thời hạn ủy quyền.
- 48.4- Các trưởng phòng, ban trong công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình.

Điều 49: Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách

- 49.1- Khi Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định.

49.2- Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Chết, bị mất tích hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- Tự ý bỏ nhiệm sở trong vòng 5 ngày làm việc liên tục mà không có lý do chính đáng và không thực hiện ủy quyền bằng văn bản cho một Phó tổng giám đốc thực hiện chức năng, quyền hạn của mình.
- Mất quyền công dân.
- Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

49.3- Trường hợp Tổng Giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải tạm cử người thay thế.

Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

Điều 50: Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận

50.1- Tổng giám đốc chỉ được ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự của công ty sau khi có được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp :

50.1.1- Trong trường hợp quy định tại Khoản 30.2.8-Điều 30 của bản Điều lệ này.

50.1.2- Các hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty trong trường hợp hợp đồng giao dịch giữa công ty với các đối tượng là :

- a- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc.
 - b- Cổ đông, người đại diện ủy quyền cho cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ.
 - c - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát và người có liên quan của các thành phần nêu trên có sở hữu trên 35% vốn Điều lệ của doanh nghiệp đó.
- Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

50.2- Tổng giám đốc chỉ được ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự của công ty sau khi có được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị trong các trường hợp :

50.2.1- Các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty

50.2.2- Các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty trong trường hợp hợp đồng giao dịch giữa công ty với các đối tượng là :

- a- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc.

b- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền cho cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ.

c - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát và người có liên quan của các thành phần nêu trên có sở hữu trên 35% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

Trong trường hợp này, người đại diện theo Pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

- 50.3-** Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Người đại diện theo Pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 51: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

- 51.1-** Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau :
- 51.1.1-** Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của công ty và các cổ đông của công ty.
- 51.1.2-** Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác. Không được đem tài sản của công ty cho người khác. Không được tiết lộ bí mật của công ty trừ các trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 51.1.3-** Khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì :
- a- Phải thông báo tình hình tài chính của công ty cho tất cả các chủ nợ biết.
 - b- Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của công ty, kể cả cho người quản lý.
 - c - Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại điểm (a) và (b) của khoản này.
 - d- Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của công ty.
- 51.2-** Các nghĩa vụ khác do Pháp luật và bản Điều lệ này quy định.

MỤC 4

BAN KIỂM SOÁT

Điều 52: Ban Kiểm soát

- 52.1-** Ban kiểm soát thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.
- 52.2-** Ban kiểm soát có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn với đa số phiếu bằng thẻ thực trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín. Các thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại.
- 52.3-** Trưởng Ban kiểm soát do các thành viên Ban kiểm soát bầu hoặc bãi miễn với đa số phiếu bằng thẻ thực trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.
- 52.4-** Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 60 ngày để hoàn thành các công việc còn tồn đọng.

Điều 53: Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban kiểm soát

- 53.1-** Thành viên Ban kiểm soát phải do cổ đông hoặc đại diện cổ đông bầu. Phải trung thực, có trình độ tốt nghiệp Đại học trở lên, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ sản xuất kinh doanh của công ty, trong đó có ít nhất một thành viên Ban kiểm soát phải có nghiệp vụ chuyên môn về tài chính, kế toán.
- 53.2-** Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát:
 - a- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của công ty, người có liên quan họ hàng bên vợ, bên chồng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của công ty; không là thành viên của các Tổ chức kiểm toán. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
 - b- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 54: Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát

- 54.1-** Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 60 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.
- 54.2-** Trong nhiệm kỳ, nếu có khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung. Trong trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà các thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính-kế toán hoặc 2/3 thành viên Ban kiểm soát trở lên bị khuyết thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 60 ngày để bầu bổ sung.
- 54.3-** Trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban kiểm soát thì số kiểm soát viên còn lại cử người thay thế.

Điều 55: Từ nhiệm, miễn nhiệm, mất tư cách, bổ sung thành viên Ban kiểm soát

- 55.1-** Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức, từ nhiệm phải làm đơn gửi Đại hội đồng cổ đông
- 55.2-** Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, mất tư cách khi vi phạm một trong các trường hợp sau:
- a- Chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế hành vi năng lực dân sự.
 - b- Có đơn xin từ chức.
 - c- Không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng 06 tháng trở lên mà không được phép của Ban kiểm soát.
 - d- Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân
 - e- Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân.
 - f- Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quy định của Tòa án.
 - g- Không còn đủ tư cách làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.

Điều 56: Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát:

56.1- Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau :

- a- Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của công ty.
- b- Thẩm định các báo cáo tài chính, quyết toán năm tài chính hàng năm của công ty. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của một nhóm cổ đông chiếm giữ 10% vốn Điều lệ trở lên. Kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có). Việc kiểm tra và thanh tra này không cản trở đến hoạt động quản lý điều hành hàng ngày của công ty.
- c- Thường xuyên thông báo cho Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- d- Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- e - Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc theo ý kiến độc lập của mình.
- f- Được quyền yêu cầu các phòng, ban nghiệp vụ của công ty cung cấp tình hình, số liệu và thuyết minh các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- g- Thông báo định kỳ kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị

h- Không được tiết lộ bí mật công ty, không gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường cũng như gây gián đoạn trong điều hành hoạt động hàng ngày của công ty.

i- Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trước Đại hội đồng cổ đông và trước Pháp luật.

j- Có các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật.

k- Tư vấn cho Hội đồng quản trị về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập.

l- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.

56.2- Trưởng ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau :

a- Tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với Điều lệ và quy định của Pháp luật.

b- Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cho cuộc họp, triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban kiểm soát.

c- Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường.

d- Được quyền tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

e- Có các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật.

56.3- Các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao. Tổng mức thù lao cho Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, mức thù lao cho từng thành viên Ban kiểm soát sẽ do tập thể Ban kiểm soát quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

56.4- Mọi chi phí cho việc đi công tác, thực hiện nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông giao (bằng văn bản) được tính vào chi phí quản lý của công ty.

CHƯƠNG V

NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Điều 57: Quyền lợi của người lao động trong Công ty

57.1- Người lao động trong công ty được hưởng những quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của Pháp luật và của công ty.

57.2- Tổng giám đốc sẽ căn cứ vào quy định của Pháp luật hiện hành và điều kiện của công ty để xây dựng và trình Hội đồng quản trị thông qua các quy chế liên quan đến

tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và những người lao động trong công ty.

CHƯƠNG VI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA CÔNG TY

Điều 58: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ của công ty

- 58.1-** Mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên và liên tục trong vòng 06 tháng đều có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại trụ sở công ty danh sách các cổ đông, các biên bản Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện.
- 58.2-** Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 58.3-** Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở của công ty.
- 58.4-** Mọi cổ đông đều có quyền được công ty cung cấp miễn phí một bản Điều lệ.

CHƯƠNG VII

HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 59: Hạch toán

- 59.1-** Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.
- 59.2-** Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán thống kê hiện hành.
- 59.3-** Cuối mỗi niên khoá, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán tài chính để trình Đại hội đồng cổ đông
- 59.4-** Cuối mỗi niên khoá, công ty lập các báo cáo tài chính sau:
- Bảng cân đối kế toán của công ty tại thời điểm 31 tháng 12.

- Bảng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (nếu có)
- Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ.

Các bản báo cáo này phải được hoàn thành và gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát ít nhất trước 15 ngày của kỳ Đại hội thường niên

- 59.5-** Sau Đại hội đồng cổ đông, các báo cáo tài chính cùng với báo cáo của Ban kiểm soát, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng công ty trong 10 năm để các cổ đông có thể xem xét khi cần thiết.
- 59.6-** Hệ thống kế toán mà công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS). Công ty lập sổ sách, chứng từ kế toán bằng tiếng Việt.

Điều 60: Chế độ báo cáo của Công ty

- 60.1-** Công ty phải lập báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của Pháp luật và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 63 của bản Điều lệ này. Trong thời gian 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính phải nộp Báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan Thuế có thẩm quyền, cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung tâm giao dịch chứng khoán, trong trường hợp công ty đã niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.
- 60.2-** Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan về tình hình lãi, lỗ của công ty trong năm tài chính và một bảng cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.
- 60.3-** Khi niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, công ty phải lập Báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước để nộp cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 61: Phân chia lợi nhuận và trích lập quỹ

- 61.1-** Theo các quy định về chế độ tài chính do nhà nước ban hành đối với các công ty cổ phần, lợi nhuận của công ty gồm:
- Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập - Tổng chi phí.
 - Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung - Thuế.
- 61.2-** Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ:
- Quỹ dự phòng tài chính: ít nhất bằng 5% lợi nhuận ròng để bổ sung vốn Điều lệ và dự trữ tài chính cho năm sau cho đến mức bằng 10% vốn Điều lệ.

- Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định lập quỹ và mức trích lập:
 - + Quỹ đầu tư phát triển.
 - + Quỹ khen thưởng.
 - + Quỹ phúc lợi.
 - + Các quỹ khác (nếu có)
- 61.3-** Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận:
- Quỹ khấu hao tài sản cố định.
 - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập và hạch toán vào giá thành hoặc phí lưu thông theo quy định tại Nghị định 39/2003/NĐ-CP ngày 18/04/2003 của Chính Phủ
 - Các quỹ khác.
- 61.4-** Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng quỹ.

Điều 62: Chia cổ tức

- 62.1-** Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- 62.2-** Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định số cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.
- 62.3-** Cổ tức có thể thanh toán bằng tiền, bằng tài sản có giá trị khác. Cổ đông có thể trực tiếp nhận cổ tức tại công ty hoặc yêu cầu công ty chuyển cổ tức vào tài khoản cá nhân. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đã được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán lưu ký.
- 62.4-** Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chia cổ tức hàng năm. Hội đồng quản trị có thể thông báo mức cổ tức tạm chia cổ tức hoặc tạm ứng cổ tức theo từng thời hạn quý hoặc 6 tháng.
- 62.5-** Danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức được lập trên cơ sở Sổ đăng ký cổ đông của công ty. danh sách này phải được lập xong ít nhất 15 ngày trước khi thực hiện chia cổ tức. Trong khoảng thời gian 15 ngày này không chấp nhận chuyển nhượng cổ phần.

Điều 63: Kiểm toán

- 63.1-** Tại Đại hội đồng cổ đông hàng năm, một công ty Kiểm toán được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị
- Đối với năm tài chính đầu tiên thì Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty Kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán công ty sau khi công ty được cấp giấy đăng ký kinh doanh.
- 63.2-** Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi Báo cáo kế toán hàng năm cho công ty Kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 63.3-** Công ty Kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về Báo cáo kế toán hàng năm, cho biết các khoản thu chi của công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán cho công ty phải được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận.
- 63.4-** Một báo cáo kiểm toán sẽ phải được đính kèm với mỗi Báo cáo kế toán hàng năm của công ty.

Điều 64: Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau; đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG VIII

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP, THANH LÝ, TRANH TỤNG

Điều 65: Tổ chức lại, giải thể, tuyên bố phá sản công ty

Công ty có thể được tổ chức lại theo các hình thức:

- Chia doanh nghiệp.
- Tách doanh nghiệp.
- Hợp nhất doanh nghiệp.
- Sáp nhập doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Đầu tư-Xây dựng Viễn thông Cần Thơ giải thể trong các trường hợp sau:

- 65.1- Trường hợp công ty bị thua lỗ đến 3/4 vốn điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định việc giải thể công ty.
- 65.2- Khi có lý do chính đáng, Hội đồng quản trị có quyền đề nghị để Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định giải thể công ty.
- 65.3- Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp
- 65.4- Công ty bị thu hồi giấy đăng ký kinh doanh
- 65.5- Quyết định của Tòa án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 65.6- Thủ tục giải thể công ty được tiến hành theo quy định của Pháp luật.

Điều 66: Phá sản

Công ty tuyên bố phá sản khi công ty gặp khó khăn hoặc bị thua lỗ trong hoạt động kinh doanh sau khi đã áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết mà vẫn mất khả năng thanh toán nợ đến hạn.

Việc phá sản công ty thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

Điều 67: Thanh lý

- 67.1- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định giải thể công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu Ban thanh lý gồm 5 thành viên để làm nhiệm vụ thanh lý công ty theo đúng quy định của Pháp luật.
- 67.2- Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo với cơ quan đăng ký kinh doanh về việc được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty trước Tòa án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 67.3- Tiền thu được từ thanh lý công ty sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a- Các chi phí thanh lý.
 - b- Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động trong công ty
 - c- Thuế và các khoản chi phí có tính chất thuế mà công ty phải nộp
 - d- Các khoản vay (nếu có)
 - e- Các khoản nợ khác của công ty
 - f- Số dư còn lại sau khi đã thanh toán các khoản mục từ (a) đến (e) nêu trên được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần nắm giữ.

Điều 68: Tổ tụng và tranh chấp

- 68.1- Tổng giám đốc là người đại diện công ty trước Pháp luật chịu trách nhiệm trong mọi tổ tụng có liên quan đến công ty.
- 68.2- Công ty có quyền bình đẳng trước Pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tổ tụng, tranh chấp.

- 68.3- Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do sai phạm cố ý của bất kỳ cá nhân nào trong công ty gây ra. Trong thời hạn 60 ngày, nếu Hội đồng quản trị không giải quyết khiếu nại, thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 69: Con dấu

- 69.1- Con dấu của công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Pháp luật và phải đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 69.2- Tổng giám đốc có trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- 69.3- Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của công ty để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 70: Về sửa đổi bổ sung Điều lệ

- 70.1- Mọi sự bổ sung hay sửa đổi bản Điều lệ này, phải được lập dưới hình thức một dự thảo để Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 65% quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hay qua đại diện.
- 70.2- Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty mà chưa được đề cập trong bản Điều lệ này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản quy định trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 71: Công bố điều lệ

- 71.1- Bản Điều lệ sửa đổi này gồm 9 Chương, 71 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty cổ phần Đầu tư-Xây dựng Viễn thông Cần Thơ thông qua và cùng chấp thuận toàn văn Điều lệ vào ngày 19 tháng 08 năm 2009.
- 71.2- Bản Điều lệ sửa đổi này là duy nhất và chính thức của công ty.
- 71.3- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc ít nhất của 2/3 thành viên Hội đồng Quản trị.
- 71.4- Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2009.

Làm tại Thành Phố Cần Thơ ngày 01 tháng 10 năm 2009

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *me*



Nguyễn Trọng Quảng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực *4520* quyền số *1*. UB/CC-SCT/BS
Ngày *16-05-2017*

PHÓ CHỦ TỊCH HÀNH CHÁNH TỈNH BÌNH



Đoàn Công Danh

